

BẢNG GIÁ BÁN DỰ KIẾN

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI (GIAI ĐOẠN 1) - KHU DÂN CƯ SONADEZI HỮU PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM: XÃ SUỐI NGHỆ, HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Đính kèm Văn bản số 1094/2024/SZC-ĐT ngày 20/11/2024 của Công ty CP Sonadezi Châu Đức)

STT	Vị trí/ tên căn hộ	DT thông thủy 1 căn (m2)	Số lượng (căn)	Phân loại vị trí	Giá bán có VAT (đồng/căn)	Đơn giá có VAT theo diện tích tương ứng (đ/m2)
1	BLOCK A1		70			
	Tầng trệt, vị trí công viên, căn góc		2			
	Căn hộ loại C	64,0	1	Vị trí 1	909.000.000	14.203.125
	Căn hộ loại C1	68,5	1	Vị trí 1	972.000.000	14.189.781
	Tầng trệt, vị trí công viên, căn giữa		5			
	Căn hộ loại A	25,0	1	Vị trí 2	349.000.000	13.960.000
	Căn hộ loại B1	62,5	4	Vị trí 2	872.000.000	13.952.000
	Tầng trệt, vị trí đường đôi, căn góc		2			
	Căn hộ loại C	64,0	1	Vị trí 3	877.000.000	13.703.125
	Căn hộ loại C1	68,5	1	Vị trí 3	938.000.000	13.693.431
	Tầng trệt, vị trí đường đôi, căn giữa		5			
	Căn hộ loại B1	62,5	4	Vị trí 4	841.000.000	13.456.000
	Căn hộ loại B	56,0	1	Vị trí 4	753.000.000	13.446.429
	Tầng 2 đến tầng 5, căn góc		16			
	Căn hộ loại C2.2	64,0	8	Vị trí 7	813.000.000	12.703.125
	Căn hộ loại C2.1	64,0	8	Vị trí 7	813.000.000	12.703.125
	Tầng 2 đến tầng 5, căn giữa		40			
	Căn hộ loại A1	25,0	4	Vị trí 8	311.000.000	12.440.000
	Căn hộ loại B2.2	54,0	20	Vị trí 8	672.000.000	12.444.444
	Căn hộ loại B2.1	54,0	16	Vị trí 8	672.000.000	12.444.444
2	BLOCK A2		70			
	Tầng trệt, vị trí đường đôi, căn góc		4			
	Căn hộ loại C	64,0	2	Vị trí 3	877.000.000	13.703.125
	Căn hộ loại C1	68,5	2	Vị trí 3	938.000.000	13.693.431
	Tầng trệt, vị trí đường đôi, căn giữa		10			
	Căn hộ loại A	25,0	1	Vị trí 4	336.000.000	13.440.000
	Căn hộ loại B1	62,5	8	Vị trí 4	841.000.000	13.456.000
	Căn hộ loại B	56,0	1	Vị trí 4	753.000.000	13.446.429
	Tầng 2 đến tầng 5, căn góc		16			
	Căn hộ loại C2.2	64,0	8	Vị trí 7	813.000.000	12.703.125
	Căn hộ loại C2.1	64,0	8	Vị trí 7	813.000.000	12.703.125
	Tầng 2 đến tầng 5, căn giữa		40			
	Căn hộ loại A1	25,0	4	Vị trí 8	311.000.000	12.440.000
	Căn hộ loại B2.2	54,0	20	Vị trí 8	672.000.000	12.444.444
	Căn hộ loại B2.1	54,0	16	Vị trí 8	672.000.000	12.444.444
3	BLOCK A3		70			
	Tầng trệt, vị trí đường đôi, căn góc		2			
	Căn hộ loại C	64,0	1	Vị trí 3	877.000.000	13.703.125
	Căn hộ loại C1	68,5	1	Vị trí 3	938.000.000	13.693.431
	Tầng trệt, vị trí đường đôi, căn giữa		5			
	Căn hộ loại A	25,0	1	Vị trí 4	336.000.000	13.440.000
	Căn hộ loại B1	62,5	4	Vị trí 4	841.000.000	13.456.000
	Tầng trệt, vị trí đối diện LH4, căn góc		2			
	Căn hộ loại C	64,0	1	Vị trí 5	845.000.000	13.203.125
	Căn hộ loại C1	68,5	1	Vị trí 5	904.000.000	13.197.080
	Tầng trệt, vị trí đối diện LH4, căn giữa		5			
	Căn hộ loại B1	62,5	4	Vị trí 6	809.000.000	12.944.000
	Căn hộ loại B	56,0	1	Vị trí 6	725.000.000	12.946.429
	Tầng 2 đến tầng 5, căn góc		16			
	Căn hộ loại C2.2	64,0	8	Vị trí 7	813.000.000	12.703.125
	Căn hộ loại C2.1	64,0	8	Vị trí 7	813.000.000	12.703.125
	Tầng 2 đến tầng 5, căn giữa		40			
	Căn hộ loại A1	25,0	4	Vị trí 8	311.000.000	12.440.000
	Căn hộ loại B2.2	54,0	20	Vị trí 8	672.000.000	12.444.444
	Căn hộ loại B2.1	54,0	16	Vị trí 8	672.000.000	12.444.444
	TỔNG CỘNG		210			

Ghi chú: Giá bán chưa bao gồm phí bảo trì 2%